

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN I
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 09/2021/HS-ST

Ngày: 23/6/2021.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN I - TỈNH KON TUM**

T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Trọng Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Muôn và ông Võ Văn Quang.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Khánh Lựu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2021; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 6 năm 2021 đối với:

1. Bị cáo: Lê Văn T, sinh năm 1991 tại Hà Tĩnh; Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 12, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã Q, huyện K, **tỉnh Đắk Nông**; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Có cha là Lê Văn M, sinh năm 1956 và mẹ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1959. Hiện làm nông và sinh sống tại: Thôn Phú T, xã Quảng P, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Gia đình có bốn anh chị em, bị cáo là con út trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ 03/01/2021 cho đến nay. Có mặt.

2. Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH MTV lâm nghiệp I.

Địa chỉ: Thôn 7, xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum.

+ *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Văn T Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV lâm nghiệp I.

+ *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Tống Tấn L, sinh năm 1970 tại Ninh Bình. Chức vụ: Phó giám đốc Công ty TNHH MTV lâm nghiệp I (*Văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 3 năm 2021*). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Đình N, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 130 S, T1 phố P, tỉnh Gia Lai (Có mặt).

2. Ông Đỗ Ngọc T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn 4, xã G, T1 phố P, tỉnh Gia Lai (Có mặt).

4. Người làm chứng:

4.1. Anh A M, sinh năm 1995. Địa chỉ: Công an huyện I, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4.2. Ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1975. Địa chỉ: Công ty Lâm nghiệp I, xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum (Có mặt).

4.3. Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1990. Địa chỉ: Công ty Lâm nghiệp I, xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum (Có mặt).

4.4. Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Công ty Lâm nghiệp I, xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum (Có mặt).

4.5. Anh Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Xã I - huyện I - tỉnh Gia Lai. (Đang chấp hành án tại Trại giam Gia Trung- Bộ Công an). Vắng mặt.

4.6. Ông U Mi C, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Tổ dân phố 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. (Đang chấp hành án tại Trại giam Công an tỉnh Kon Tum). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4.7. Anh Phạm Văn O, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. (Đang chấp hành án tại Trại giam Gia Trung- Bộ Công an). Vắng mặt.

4.8. Anh Bùi Văn Q, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Thôn 8 - xã I - huyện I - tỉnh Kon Tum (Có mặt).

4.9. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Tổ dân phố 12, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Đang chấp hành án tại Công an huyện I, tỉnh Kon Tum). Có mặt.

4.10. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Tổ dân phố 12, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Đang chấp hành án tại Trại giam Gia Trung- Bộ Công an). Vắng mặt.

4.11. Anh Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Tổ dân phố 12, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4.12. Anh Nguyễn Phương N, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Tổ dân phố 12, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4.13. Anh Vũ Thái D, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Tổ dân phố 12 - P. A - Thị xã B - tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu mua gỗ, ngày 22/12/2018 Nguyễn Trọng T1, sinh năm 1983, trú tại Thôn Đ - xã I- huyện Đ - tỉnh Gia Lai đã đến Công ty M đóng tại Thôn 8 -

xã I - huyện I- tỉnh Kon Tum đề đặt vấn đề mua gỗ H1 không có gỗ. Tại đây, T1 đã gặp U Mi C, sinh năm 1973 trú tại Tổ dân phố 7 - TT. Đ - huyện Đ - tỉnh Kon Tum, Lê Đình N, sinh năm 1972 (giám đốc Công ty M) và Phạm Văn O, sinh năm 1979 cùng trú tại tỉnh Gia Lai và cùng các đối tượng này bàn bạc với nhau và thống nhất sẽ đi khảo sát khai thác gỗ tại các bờ lô hợp thủy thuộc địa phận Thôn 7 - xã I - huyện I - tỉnh Kon Tum. Sau đó, Nguyễn Trọng T1 đã nói Phạm Văn O tìm người và phương tiện để đi khai thác thì được O đồng ý H1 giữa O và T1, C có thỏa thuận *"nếu trong quá trình làm mà bị mất xe thì T1 và C phải đền"*.

Ngày 25/12/2018 Phạm Văn O đến huyện C, tỉnh Gia Lai để gặp Nguyễn Văn H1, sinh năm 1991, Nguyễn Văn H, sinh năm 1989, Nguyễn Phương N, sinh năm 1998, Lê Văn T, sinh năm 1991, Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1995 cùng trú tại tổ Dân phố 12 - P. A - Tx. B - tỉnh Đắk Lắk để bàn về việc đi Kon Tum khai thác gỗ có giấy tờ và được các đối tượng đồng ý. Sau đó, tất cả cùng lên 02 xe công nông độ chế do Nguyễn Phương N và Lê Văn T điều khiển đi Kon Tum; khi đến cây xăng ở mặt bằng thuộc Sê San, Gia Lai, Nguyễn Văn H1 gọi điện cho Phạm Văn O và được O bảo dừng ở cây xăng và để xe ở đó, đến tối sẽ có người dẫn xe vào. Đến khoảng 19 giờ Nguyễn Trọng T1 gọi điện cho H1 hỏi *"có phải H1 không"*? H1 trả lời *"phải"*, T1 hỏi *"mấy đứa đang ở đâu?"* H1 trả lời, *"đang đợi ở cây xăng"*, sau đó T1 nói *"H1 điều khiển xe đến đầu cầu Sê San 4"* của tỉnh Gia Lai và sẽ gặp T1 ở đó; sau khi các đối tượng đến điểm hẹn và gặp T1, T1 đã dẫn người và xe qua trạm Barie H1 lực lượng chức năng không cho qua nên T1 đã dẫn các đối tượng qua **đập** thủy điện để vào địa phận tỉnh Kon Tum và tập trung ăn ở tại Công ty M. Từ ngày 26/12 đến ngày 29/12/2018 U Mi C trực tiếp dẫn Nguyễn Văn H1, Lê Văn T, Nguyễn Ngọc Đ đi khảo sát tại các bờ lô hợp thủy thuộc Thôn 7 - xã I H1 không làm được vì không có đường nên các đối tượng đã về tập trung tại Công ty M và dừng hẳn việc khảo sát tại các bờ lô hợp thủy. Lúc này, khi biết không khai thác gỗ ở các bờ lô hợp thủy được, ông Lê Đình N đã đi về nhà tại Gia Lai để chuẩn bị cho việc dựng xưởng tại Công ty M. Sáng ngày 30/12/2018 sau khi ông Nam đã về, Nguyễn Trọng T1, U Mi C và Phạm Văn O tiếp tục ngồi lại với nhau thì T1 nói *"Không khai thác được bãi này thì bãi khác"*, nghe thế, O không nói gì còn C điện cho Bùi Văn Q, sinh ngày 24/4/1979 và bảo Quyền dẫn Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Lê Văn T, Nguyễn Ngọc Đ đi khảo sát tại khu vực Thôn 9. Khi đến Khoảnh 3, Tiểu khu 758, rừng sản xuất thuộc lâm phần do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp I quản lý, sau khi khảo sát thì tất cả đều thống nhất sẽ khai thác gỗ tại đây và cùng đi về lại Công ty M để báo lại cho Nguyễn Trọng T1, U Mi C và Phạm Văn O sẽ khai thác tại khu vực này. Lúc này, U Mi C, Nguyễn Trọng T1 và Phạm Văn O tiếp tục bàn bạc và thỏa thuận về việc khai thác gỗ, theo đó: Giữa C và T1 thống nhất sẽ khai thác gỗ tại khu vực mà các đối tượng vừa khảo sát xong (K3, Tiểu khu 758); U Mi C có nói *"nếu có làm thì chỉ*

đồng ý làm buổi tối" còn O có nghe việc bàn bạc giữa C và T1 H1 không tham gia ý kiến gì; giữa T1 và C tiếp tục thỏa thuận, T1 sẽ đứng ra lo tiền để phục vụ việc khai thác và sẽ mượn trước số tiền này từ Phạm Văn O rồi sẽ thanh toán lại sau khi gỗ được kéo ra khỏi rừng, C sẽ liên lạc với Quyền để chỉ đạo việc khai thác. Đến 15 giờ cùng ngày, Nguyễn Trọng T1 thuê một người tên Phấn (không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể) lái xe tải để chở người, 02 xe máy cày, 01 cửa xăng, đồ dùng cá nhân vào hiện trường khai thác. Quá trình chuẩn bị, khi được T1 nhờ và vay tiền, Phạm Văn O đã đồng ý cho vay đồng thời nhờ ông Đỗ Ngọc Thanh, sinh năm 1970, trú tại xã G - Tp. P - tỉnh Gia Lai là nấu ăn tại Công ty M đi mua đồ ăn sau đó O đưa đồ ăn và đưa cho Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn H1 mỗi người 2.000.000đ để mua xăng dầu, phục vụ cho việc khai thác gỗ; Nguyễn Trọng T1 lấy 200.000 đ từ O đưa cho Quyền để đổ xăng dẫn người và xe vào hiện trường khai thác, khi đến hiện trường khoảng 21 giờ, các đối tượng giấu xe và ngủ tại hiện trường còn Quyền đi về nhà.

Đến khoảng 14 giờ ngày 31/12/2018, Nguyễn Văn H1 gọi điện cho O bảo là cả nhóm đã vào đến nơi đồng thời hỏi O *"ở đây có loại gỗ không biết là gỗ gì"*, nghe thế O bảo *"nếu không biết thì cắt một mẫu đem về đây"*, lúc này Lê Văn T đã dùng cưa để cắt mẫu gỗ sau đó Q đã vào hiện trường để đem mẫu gỗ về và đưa cho Nguyễn Trọng T1 và O xem được mẫu gỗ là cây Trâm đỏ, khi đó O đã điện cho H1 bảo là *"làm được"*, ý nói cắt hoặc khai thác được. Đến khoảng 16 giờ U Mi C điện cho Q bảo *"nếu có làm thì cho anh em làm buổi tối"*, đến 17 giờ Q đã điện cho Nguyễn Văn H1 bảo làm đi; khi đó Nguyễn Văn H1, Lê Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Phương N tiến hành thực hiện việc khai thác gỗ, còn Quyền đứng canh đường. Đến khoảng 20 giờ thì Quyền điện vào cho H1 bảo nghỉ thì các đối tượng không khai thác nữa.

Trước khi khai thác, khoảng 15 giờ ngày 31/12/2018 Nguyễn Văn H1 đã điện cho Vũ Thái D, sinh năm 1996, trú tại TT. B - tỉnh Đắk Lắk để rủ Dương cùng vào khai thác gỗ và Dương đã đồng ý, sau đó Dương đã đi cầm cố xe máy để lấy tiền và bắt đầu đi sang Kon Tum vào sáng ngày 01/01/2019. Khi đến thì Nguyễn Ngọc Đ đã đi từ hiện trường khai thác gỗ ra đón Dương và chở Dương vào hiện trường; trên đường đi Dương đã mua giùm cho Nguyễn Văn H1, Lê Văn T 01 võng và 02 đôi tất để phục vụ việc khai thác. Khi vào đến hiện trường do còn mệt và sức khỏe yếu nên Dương có nhiệm vụ nấu ăn và móc cáp. Đến 18 giờ, ngày 01/01/2019 Q tiếp tục gọi điện cho H1 bảo cho anh em làm, các đối tượng tiến hành khai thác đến khoảng 20 giờ thì Quyền điện vào bảo nghỉ thì các đối tượng không khai thác nữa. Ngày 02/01/2019, Phạm Văn O tiếp tục nhờ ông Th đi mua đồ ăn và đưa cho U Mi C, Q để chở vào hiện trường; lúc này C đi trước còn Quyền chở đồ ăn theo sau, khi đến hiện trường C mới biết địa điểm đang khai thác là Khoảnh 3, Tiểu khu 758 gần chốt liên ngành nên C đã hỏi Q *"tại sao làm*

ở đây" thì Q trả lời "làm ở đây cho dễ kéo gỗ ra". Sau đó, C đã về Công ty M và yêu cầu Nguyễn Trọng T1, Phạm Văn O dừng việc khai thác tại khu vực trên H1 T1 và O không đồng ý, sau đó thì U Mi C bỏ về đi rả cá.

Đến 17 giờ 30 phút ngày 02/01/2019, khi các đối tượng đang khai thác thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt giữ và đưa về trạm kiểm soát liên ngành đường sông thuộc Thôn 9 - xã I để làm việc, riêng đối tượng Lê Văn T đã bỏ trốn.

Trong thời gian khai thác, các đối tượng chia ra làm hai nhóm để thực hiện, nhóm thứ nhất gồm Lê Văn T, Nguyễn Văn H1, nhóm thứ hai gồm Nguyễn Văn H, Nguyễn Phương N, Nguyễn Ngọc Đ thay nhau dùng cưa xăng để thực hiện việc cắt hạ cây tại gốc sau đó xẻ T1 lóng và kéo ra bãi để xẻ hộp và các đối tượng đã cắt hạ được 14 gốc, xẻ T1 14 lóng gỗ tròn và 19 hộp gỗ xẻ chủng loại Sến Bo Bo, Trâm, Cồng Chim.

Ngày 11/01/2019 Hạt kiểm lâm huyện đã ra Quyết định Khởi tố vụ án số 04/QĐ-HKL về tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" theo Điều 232 BLHS và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Cơ quan CSĐT - Công an huyện để điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 26/02/2019 Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Vũ Thái D, Nguyễn Phương N, Nguyễn Ngọc Đ đã đến Công an huyện để đầu thú.

Tại Cơ quan CSĐT- Công an huyện các đối tượng Nguyễn Trọng T1, U Mi C, Phạm Văn O, Bùi Văn Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Vũ Thái D, Nguyễn Phương N, Nguyễn Ngọc Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Kết quả khám nghiệm hiện trường thể hiện: Khu vực được xác định là tại vị trí có tọa độ X: 505119, Y: 1557986 gồm 14 lóng gỗ tròn có khối lượng 6,946 m³, 19 hộp gỗ xẻ có khối lượng 9,795 m³, chủng loại Sến Bo Bo, Trâm, Cồng Chim thuộc nhóm IV, V nằm rải rác tại Khoảnh 3, Tiểu khu 758 lâm phần rừng tự nhiên, chức năng sản xuất do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp I quản lý. Tại hiện trường đã phát hiện 15 gốc chặt (14 gốc mới, 01 gốc cũ) phù hợp về chủng loại, quy cách với số lóng gỗ, hộp gỗ có tại hiện trường. Kiểm tra các gốc, lóng gỗ, hộp gỗ xác định dấu vết cắt còn mới, vết cắt bằng cưa xăng, trên đầu các lóng, hộp gỗ có dấu vết của các sợi móc cáp và được sơn chữ (HG) và (X) màu xanh; tại hiện trường có dấu vết lốp xe phù hợp với dấu vết lốp của xe công nông bị thu giữ và dấu vết kéo gỗ. Trong quá trình khám nghiệm có sự tham gia của đối tượng Nguyễn Văn H1 tuy nhiên đối tượng đã lấy lý do đi vệ sinh và bỏ trốn khỏi hiện trường. (Cơ quan chức năng đã lập biên bản vụ việc).

Biên bản xác minh hiện trường: Xác định các đối tượng Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Lê Văn T, Nguyễn Ngọc Đ, Nguyễn Phương N đã cắt hạ 14 gốc được đánh ký hiệu từ G2 đến G14 sau đó đã xẻ T1 14 lóng và 19 hộp gỗ xẻ. Đối với gốc có ký hiệu G1 đã được cắt hạ trước khi các đối tượng vào hiện trường, phần thân gỗ ở phía gốc đã bị kéo đi từ trước còn phần thân gỗ còn lại do Nguyễn

Văn H1 và Lê Văn T dùng xe máy cày kéo lên cắt và xẻ T1 02 hộp có ký hiệu LN 30, LN 31; kết quả này phù hợp với: biên bản kiểm tra hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản xác minh hiện trường, bản ảnh cùng lời khai nhân chứng, bản cung của các bị cáo.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 19/2019/KL-HĐĐG ngày 29/05/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện I kết luận: Tổng giá trị tài sản trưng cầu Hội đồng định giá là 78.721.849 đồng; trong đó, 33 lồng gỗ và hộp gỗ xẻ chủng loại Sến Bo Bo, Trâm, Cồng Chim, có tổng khối lượng (đã quy tròn) là 22,618 m³ mà các đối tượng đã khai thác có giá trị là 63.221.849 đồng (sáu mươi ba triệu hai trăm hai mươi ngàn tám trăm bốn chín đồng); 02 xe công nông độ chế đã qua sử dụng có giá trị 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng); 01 cửa xăng nhãn hiệu STILL đã qua sử dụng có giá trị 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng).

Ngày 03/06/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện I ban hành Cáo trạng số 05/CT-VKS truy tố các bị can Nguyễn Trọng T1, U Mi C, Phạm Văn O, về tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" theo quy định tại điểm b, m khoản 2 Điều 232 BLHS; Truy tố các bị can Bùi Văn Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Vũ Thái D, Nguyễn Phương N, Nguyễn Ngọc Đ về tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 232 BLHS.

Ngày 04/08/2020, Tòa án nhân dân huyện I mở phiên tòa công khai xét xử các bị cáo Nguyễn Trọng T1, U Mi C, Phạm Văn O, Bùi Văn Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Vũ Thái D, Nguyễn Phương N, Nguyễn Ngọc Đ. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trọng T1, U Mi C, Phạm Văn O phạm tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" theo quy định tại điểm b, m khoản 2 Điều 232 BLHS; các bị cáo Bùi Văn Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Vũ Thái D, Nguyễn Phương N, Nguyễn Ngọc Đ phạm tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 232 BLHS.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Lê Văn T đã bỏ trốn và bị Cơ quan CSĐT Công an huyện I ra quyết định truy nã. Ngày 28/7/2019, do hết thời hạn điều tra nên Cơ quan CSĐT ra Quyết định số 01/QĐ về việc tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can và Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Lê Văn T. Đến ngày 28/07/2019, Cơ quan CSĐT- Công an huyện I ra quyết định tách vụ án hình sự số 01/QĐ ngày 28/07/2019 đối với hành vi "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" xảy ra tại khoảnh 03, tiểu khu 758, lâm trường Sê San thuộc công ty TNHH MTV Lâm nghiệp I quản lý, địa giới hành chính xã I, huyện I, tỉnh Kon Tum của bị can Lê Văn T theo quyết định khởi tố bị cáo số 08 ngày 19/03/2019 của Cơ quan CSĐT - Công an huyện I.

Ngày 03/01/2021, Lê Văn T bị Cơ quan CSĐT Công an thị xã B, tỉnh Đắk Lắk bắt theo Quyết định truy nã của Cơ quan CSĐT Công an huyện I, tỉnh Kon Tum; Ngày 06/01/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện I, tỉnh Kon Tum đã tiến hành phục hồi điều tra vụ án hình sự đối với bị can và phục hồi điều tra bị can đối với Lê Văn T để điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Văn T về tội “ *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”. Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, T1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải; lời khai phù hợp với nội dung, diễn biến của vụ án đã được điều tra, truy tố, xét xử trước đó. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 232 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 28 tháng đến 34 tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*”.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng khoản 4 Điều 232 Bộ luật hình sự, đề phạt tiền bị cáo Lê Văn T.

*** Về xử lý vật chứng của vụ án:**

Tại Bản án số án số 06/2020/HS-ST ngày 04 tháng 08 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện I, đã tuyên xử lý vật chứng như sau:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 33(ba mươi ba) lóng, hộp gỗ chủng loại Sến Bo Bo, Trâm, Cồng Chim có ký hiệu LN/01 đến LN33 (có bảng kê lý lịch gỗ kèm theo), có tổng khối lượng (đã quy tròn) là 22,618 m³ mà các đối tượng đã khai thác.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01(một) xe công nông độ chế đã cũ và 01 (một) điện thoại di động màu xanh thẫm, nhãn hiệu Masstei, bàn phím bấm đã cũ, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy bên trong của Nguyễn Văn H; 01 (một) xe công nông độ chế đã cũ và 01 điện thoại di động NOKIA màu xanh, đen, bàn phím bấm đã cũ, không kiểm tra tình trạng máy bên trong của Nguyễn Văn H1; 01 (một) điện thoại di động NOKIA màu xanh, đen, bàn phím bấm đã cũ, không kiểm tra tình trạng máy bên trong của Bùi Văn Q; 01 (một) điện thoại di động cảm ứng hiệu SAMSUNG màu vàng đã cũ, bị bong tróc, xây xước, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy bên trong của Nguyễn Phương N; 01 (một) điện thoại di động NOKIA màu đen, bàn phím bấm đã cũ, không kiểm tra tình trạng máy bên trong của Phạm Văn O và 01 điện thoại di động NOKIA màu đỏ, đen, bàn phím bấm đã cũ, không kiểm tra tình trạng máy bên trong của Nguyễn Trọng T1.

- Tịch thu tiêu hủy đối với 01 sim điện thoại mang số thuê bao 0337545366, có mã số 89840; 4800; 00580; 2829.

- Trả 01 (một) điện thoại di động cảm ứng hiệu IPHON màu vàng, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy bên trong cho bị cáo U Mi C.

Ngày 10/9/2020 Chi cục Thi hành án dân sự huyện I ra Quyết định thi hành án chủ động số 43/QĐ-CCTHADS về việc tịch thu sung quỹ nhà nước và tịch thu tiêu hủy vật chứng đã nêu; Quyết định thi hành án chủ động số 44/QĐ-CCTHADS ngày 10/9/2020 về việc trả lại tài sản cho ông U Minh C. Hiện nay, vật chứng của vụ án đã được Cơ quan Thi hành án dân sự huyện I xử lý xong, nên không đề cập.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp I không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trong nội dung của bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum truy tố. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo không bị mớm cung, ép cung hay bị nhục hình buộc phải nhận tội. Đề nghị của Viện Kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với bị cáo là đúng, bị cáo không có tranh luận gì, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Thưa Hội đồng xét xử, bị cáo thấy việc làm của bị cáo là trái pháp luật. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Điều tra Công an huyện I tỉnh Kon Tum, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, lời khai của bị cáo là khách quan phù hợp với Bản khám nghiệm hiện trường, Bản Kết luận giám định và các tài liệu khác đã được điều tra, thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Trong thời gian từ ngày 31/12/2018 đến ngày 02/01/2019, bị cáo Lê Văn T cùng với nhóm thực hiện là Bùi Văn Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Phương N, Nguyễn Ngọc Đ, Vũ Thái D đã trực tiếp khai thác gỗ trái phép dưới sự chỉ đạo của Nguyễn Trọng T1, U Mi C và Phạm Văn O tại Khoảnh 3, Tiểu khu 758 thuộc địa phận Công ty TNHH MTV lâm nghiệp I quản lý, với tổng khối lượng là 22,618 m³. Tuy nhiên, trong quá trình khai thác bị cáo Lê Văn T hoàn toàn không biết về quá trình bàn bạc hay thỏa thuận của nhóm Nguyễn Trọng T1, U Mi C và Phạm Văn O mà chỉ thực hiện hành vi vào rừng sản xuất khai thác gỗ trái phép với mục đích nhận tiền công. Do đó, Hành vi của bị cáo Lê Văn T cùng đồng phạm đã gây hậu quả nghiêm trọng, gây thiệt hại cho Nhà nước theo Bản kết luận định giá tài sản là 63.221.849 (*Sáu mươi ba triệu, hai trăm hai mươi một nghìn, tám trăm bốn mươi chín*) đồng.

Như vậy, Cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 19/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh Kon Tum đã truy tố đối với bị cáo Lê Văn T về tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 232 BLHS là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ rừng, xâm phạm đến tài sản của Nhà nước, làm xâm hại đến sự bền vững và ổn định của môi trường sinh thái tự nhiên. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được rừng là tài nguyên Quốc gia, Nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi khai thác, cắt, chặt phá rừng trái phép, H1 vì mục đích tư lợi cá nhân, bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi. Sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện I đã phát lệnh truy nã bị cáo làm vụ án kéo dài thời gian xử lý, thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo.

Vì vậy, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi, hậu quả mà bị cáo gây ra buộc cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian, có như vậy mới đủ điều kiện và thời gian cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và T1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS nên cần áp dụng cho bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[5] Hình phạt bổ sung: Không áp dụng khoản 4 Điều 232 Bộ luật hình sự, đề phạt tiền bị cáo Lê Văn T.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Tại Bản án số án số 06/2020/HS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện I, tuyên xử lý vật chứng như sau:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 33(ba mươi ba) lóng, hộp gỗ chủng loại Sến Bo Bo, Trâm, Cồng Chim có ký hiệu LN/01 đến LN33 (có bảng kê lý lịch gỗ kèm theo), có tổng khối lượng (đã quy tròn) là 22,618 m³ mà các đối tượng đã khai thác.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01(một) xe công nông độ chế đã cũ và 01 (một) điện thoại di động màu xanh thẫm, nhãn hiệu Masstei, bàn phím bấm đã cũ, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy bên trong của Nguyễn Văn H; 01 (một) xe công nông độ chế đã cũ và 01 điện thoại di động NOKIA màu xanh, đen, bàn phím bấm đã cũ, không kiểm tra tình trạng máy bên trong của Nguyễn Văn H1; 01 (một) điện thoại di động NOKIA màu xanh, đen, bàn phím bấm đã cũ, không kiểm tra tình trạng máy bên trong của Bùi Văn Q; 01 (một) điện thoại di động cảm ứng hiệu SAMSUNG màu vàng đã cũ, bị bong tróc, xây xước, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy bên trong của Nguyễn Phương N; 01 (một) điện thoại di động NOKIA màu đen, bàn phím bấm đã cũ, không kiểm tra tình trạng máy bên trong của Phạm Văn O và 01 điện thoại di động NOKIA màu đỏ, đen, bàn phím bấm đã cũ, không kiểm tra tình trạng máy bên trong của Nguyễn Trọng T1.

- Tịch thu tiêu hủy đối với 01 sim điện thoại mang số thuê bao 0337545366, có mã số 89840; 4800; 00580; 2829.

- Trả 01 (một) điện thoại di động cảm ứng hiệu IPHON màu vàng, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy bên trong cho bị cáo U Mi C.

Ngày 10/9/2020 Chi cục Thi hành án dân sự huyện I ra Quyết định thi hành án chủ động số 43/QĐ-CCTHADS về việc tịch thu sung quỹ nhà nước và tịch thu tiêu hủy vật chứng đã nêu; Quyết định thi hành án chủ động số 44/QĐ-CCTHADS ngày 10/9/2020 về việc trả lại tài sản cho ông U Minh C. Hiện nay, vật chứng của vụ án đã được Cơ quan Thi hành án dân sự huyện I xử lý xong, nên không đề cập.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự là Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp I không có yêu cầu gì nên không đề cập.

[8] Về án phí: Bị cáo Lê Văn T bị kết án phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 232; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 34 (*Ba mươi bốn*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 03/01/2021.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331; 332; 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/6/2021) bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo bản án này để xin xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm ngày*), kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện I, tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện I, tỉnh Kon Tum (khi bản án có hiệu lực);
- Công an huyện I;
- Trại tạm giữ Công an huyện I;
- UBND xã/phường/thị trấn (nơi cư trú của các bị cáo);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT SỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Trọng Nguyên